TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 5 - 2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Diện

Bà Khổng Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Eng Thị Th, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Hà Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Hà Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện (V/v xin ly hôn) đề ngày 25/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Eng Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn A tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau từ ngày 12/11/2004, có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau đó anh chị về chung sống với gia đình chị Th tại thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Hà Giang. Tuy nhiên từ khi về chung sống và cho đến nay, do thiếu hiểu biết pháp luật nên anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống, chị Th và anh A hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh Nguyễn Văn A không chịu tu chí làm ăn, ham chơi, hay uống rượu, không quan tâm, chăm sóc đến vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả, cuộc sống vợ chồng không cải thiện được. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay thận thấy anh chị không còn tình cảm và cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên chị Eng Thị Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn A. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/10/2005 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/11/2007. Khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Nguyễn Văn A phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, vì vậy khi ly hôn không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn A trình bày: Anh và chị Eng Thị Th tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau từ năm 2004, có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, tuy nhiên từ khi về chung sống và cho đến nay anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định như chị Th trình bày là đúng. Sau khi được gia đình tổ chức lễ cưới, anh về làm rể, chung sống với gia đình chị Th tại thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống, chị Th và anh A hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống có nhiều thay đổi, tình cảm rạn nứt, bất đồng quan điểm sống và tính cách dẫn đến xảy ra mẫu thuẫn, vợ chồng có cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bạn bè và gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ năm 2017 cho đến nay do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Nguyễn Văn A nhất trí ly hôn với chị Eng Thị Th. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/10/2005 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/11/2007. Khi ly hôn anh Nguyễn Văn A có nguyện vọng giao cho chị Eng Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, vì vậy khi ly hôn không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Ngày 08/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang tiến hành hỏi nguyện vọng của các cháu Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn H là con chung của chị Eng Thị Th và anh Nguyễn Văn A. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2019, các cháu Nguyễn Thị L và Nguyễn Văn H đều trình bày hiện nay các cháu đang sống cùng mẹ và ông bà ngoại tại thôn N, xã Th, huyện B còn bố hay đi làm thuê ở ngoài, không hay về nhà, nếu bố mẹ ly hôn các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ vì lý do để thuận tiện cho việc sinh hoạt, học tập của các cháu và mẹ cũng quan tâm, yêu quý các cháu nên các cháu thích ở với mẹ hơn.

Ngày 09/4/2019 Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên hòa giải về phần con chung và chia

tài sản, chị Eng Thị Th và anh Nguyễn Văn A đã thống nhất được: Về con chung: chị Eng Thị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/10/2005 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/11/2007 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Tại công văn số 66/BC-UBND ngày 16/4/2019 của Ủy ban nhân dân xã BH, huyện B và công văn số 136/UBND-TP ngày 04/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B xác nhận chị Eng Thị Th và anh Nguyễn Văn A chung sống như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Eng Thị Th và anh Nguyễn Văn A; Việc nuôi con: giao cho chị Eng Thị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/10/2005 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/11/2007 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: nguyên đơn chị Eng Thị Th được miễn án phí sơ thẩm ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn A không phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Eng Thị Th có đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với bị đơn là anh Nguyễn Văn A có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Th, huyện B, tỉnh Hà Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Eng Thị Th có mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Nguyễn Văn A vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Eng Thị Th và anh Nguyễn Văn A tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay,

được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tuy nhiên kể từ khi chung sống và cho đến nay anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã BH, huyện B và Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B nơi anh chị cư trú về tình trạng hôn nhân của anh chị. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị Eng Thị Th và anh Nguyễn Văn A chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đồng thời tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng."

Do đó, mặc dù các đương sự thuận tình ly hôn nhưng Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng các quy định trên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Eng Thị Th và anh Nguyễn Văn A.

[2.2] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/10/2005 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/11/2007. Quá trình giải quyết chị Eng Thị Th và anh Nguyễn Văn A thống nhất thỏa thuận chị Eng Thị Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị Eng Thị Th. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao hai con chung cho chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản chung: chị Eng Thị Th và anh Nguyễn Văn A tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: nguyên đơn chị Eng Thị Th được miễn án phí sơ thẩm ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn A không phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều

35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Eng Thị Th và anh Nguyễn Văn A.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 02/10/2005 và cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 11/11/2007 cho chị Eng Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị Th, anh A có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: nguyên đơn chị Eng Thị Th được miễn án phí sơ thẩm ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn A không phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo luật định.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hải Hà